

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HS-ST
Ngày 12 - 5 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Vũ Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mông Văn Thành và bà Nông Thị Ngọc Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Dương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bế Thanh Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 29/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

Đàm Văn T, sinh ngày 20/9/1989 tại P, Cao Bằng; giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không có; Nơi đăng ký thường trú: Xóm P, xã P, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Không nghề; Số CCCD: 004089001057, cấp ngày 10/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C; Con ông Đàm Duy B và bà Nông Thị N; Vợ, con: Chưa có. Anh, chị, em ruột: Bị cáo là con út trong gia đình có 03 chị em.

Tiền án: 01 tiền án, ngày 20/8/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng xử phạt 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Nghiện ma túy từ năm 2010 đến tháng 7/2012 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam Q, Trại tạm giam Công an tỉnh C từ ngày 05/01/2026 đến nay. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 45 phút ngày 23/01/2026 tổ công tác Công an xã P, tỉnh Cao Bằng phối hợp cùng Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế T1 và Hải quan cửa khẩu quốc tế T1 làm nhiệm vụ tại khu vực xóm P, xã P, tỉnh Cao Bằng phát hiện Đàm Văn T, sinh năm 1989, trú tại xóm P, xã P, tỉnh Cao Bằng đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đỏ đen, biển kiểm soát 11F3-6769 có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Quá trình kiểm tra, T tự nguyện giao nộp 01 (một) gói nylon trong suốt được hàn nhiệt bên trong có chứa các cục tinh thể màu trắng, T khai nhận là ma túy, loại ma túy tổng hợp dạng đá của T vừa mua với một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể) tại phường N, tỉnh Cao Bằng với giá 1.500.000 đồng. Tổ công tác lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm: 01 (một) gói ma túy; 01 (một) điện thoại di động; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave biển kiểm soát 11F3-6769 và một số đồ vật liên quan đến dụng cụ sử dụng ma túy. (Bút lục số 15 đến 17) Ngày 23/01/2026 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C phối hợp cùng các cơ quan chức năng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đàm Văn T tại xóm P, xã P, tỉnh Cao Bằng nhưng không phát hiện đồ vật, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội. Tiến hành cân khối lượng số chất cục tinh thể màu trắng thu giữ được của Đàm Văn T có khối lượng là: 0,31g (không phải ba một gam) và ra Quyết định trưng cầu giám định. Tại bản 30/01/2026 của phòng K Công an tỉnh C kết luận: “Chất tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine”.

Quá trình điều tra xác định được: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 23/01/2026, Đàm Văn T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 11F3-6769 từ nhà lên khu vực bến xe cũ Cao Bằng thuộc phường N, tỉnh Cao Bằng tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến khu vực bến xe cũ Cao Bằng, T gặp một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua ma túy và người đàn ông đồng ý. Sau khi thoả thuận giá cả, Đàm Văn T đưa cho người đàn ông đó số tiền 1.500.000 đồng, người đàn ông nhận tiền rồi điều khiển xe mô tô đi đâu mua ma túy thì T không rõ. Được khoảng 05 phút sau, người đàn ông quay lại và nói T đi về hướng suối C, khi đi đến chỗ vắng người thì người đàn ông đưa cho T 01 (một) gói ma túy đá gói bằng giấy nylon màu trắng. Sau khi mua được ma túy, T cho toàn bộ số ma túy đá vừa mua được vào bên trong găng tay trái và điều khiển xe mô tô đi về nhà, còn người đàn ông đó đi đâu thì T không biết. Sau khi đi về đến xã P, tỉnh Cao Bằng, T đi vào nhà lấy dụng cụ để sử dụng ma túy rồi tiếp tục điều khiển xe mô tô xuống khu vực bờ sông gần Cửa khẩu quốc tế T1, xã P, tỉnh Cao Bằng để sử dụng ma túy. Đến khoảng 15 giờ 45 phút, Đàm Văn T điều khiển xe mô tô đến xóm P, xã P, tỉnh Cao Bằng thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang.

Quá trình điều tra, bị can Đàm Văn T đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị can đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã thu thập được.

Các đồ vật, tài sản đã thu giữ, tạm giữ gồm:

- 01 (một) phong bì ghi “Số 58/KL-KTHS. Hoàn mẫu vụ Đàm Văn T, có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy”;
- 01 (một) phong bì ghi “Dụng cụ sử dụng ma túy của Đàm Văn T thu giữ ngày 23/01/2026”;
- 01 (một) phong bì mặt trước ghi “gói ni lông ban đầu và vỏ niêm phong của Đàm Văn T ngày 23/01/2026”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia và hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C.
- 01 đôi găng tay len, màu xanh.
- 01 (một) điện thoại di động, mặt lưng có dòng chữ ZTE, màu xanh, màn hình cảm ứng.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSKV2 ngày 08/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Cao Bằng quyết định truy tố bị cáo Đàm Văn T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa: Bị cáo Đàm Văn T nhất trí với nội dung bản Cáo trạng và khối lượng ma túy bị thu giữ, kết luận giám định của Phòng K Công an tỉnh C. Bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án. Bị cáo khai nhận do bản thân sử dụng ma túy nên ngày 23/01/2026 bị cáo điều khiển x mô tô biển kiểm soát 11F3-6769 từ nhà lên khu vực bến xe cũ Cao Bằng thuộc phường N, tỉnh Cao Bằng để tìm mua ma túy. Khi đến T gặp hỏi ma túy với người đàn ông không quen biết với giá 1.500.000 đồng được 01 gói ma túy. Sau khi mua được ma túy, T điều khiển xe đi về nhà. Khi đi đến xã P, tỉnh Cao Bằng T đi vào nhà lấy dụng cụ để sử dụng ma túy rồi tiếp tục đi xuống khu vực bờ sông gần cửa khẩu T, xã P để sử dụng ma túy. Sau đó trên đường về đến khu vực xóm P, xã P thì bị lực lượng chức năng kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang và thu giữ toàn bộ số ma túy.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Cao Bằng giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội ““*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tại bản luận tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đàm Văn T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì mặt trước ghi “Số 58/KL-KTHS hoàn mẫu sau giám định vụ Đàm Văn T, có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia và hình dấu đỏ của Phòng K- Công an tỉnh C. (kèm theo Kết luận giám định số 58/KL-KTHS ngày 30/01/2026 của Phòng K- Công an tỉnh C).

+ 01 (một) phong bì thư mặt trước ghi “Dụng cụ sử dụng ma túy của Đàm Văn T thu giữ ngày 23/01/2026”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong;

+ 01 (một) phong bì mặt trước ghi “gói ni lông ban đầu và vỏ niêm phong của Đàm Văn T ngày 23/01/2026”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia và hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C.

+ 01 đôi găng tay len, màu xanh.

- 01 (một) điện thoại di động, mặt lưng có dòng chữ ZTE, màu xanh, màn hình cảm ứng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với kết luận của đại diện Viện kiểm sát nhân Khu vực 2- Cao Bằng, không có ý kiến tranh luận.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo Đàm Văn T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án. Cụ thể như: Lời khai của bị cáo, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét chỗ ở và vật chứng thu giữ.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định, có đủ căn cứ chứng minh: Hồi 15 giờ 45 phút ngày 23/01/2026 tổ công tác Công an xã P phối hợp cùng Đoàn Biên phòng cửa khẩu quốc tế T1 và Hải quan cửa khẩu quốc tế T1

thực hiện nhiệm vụ tuần tra kiểm soát tại khu vực xóm P, xã P phát hiện Đàm Văn T đang tàng trữ trái phép 0,31 gam ma túy (mục đích để sử dụng cho bản thân).

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo Đàm Văn T là cố ý xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà N1 về ma túy. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ tác hại của ma túy nhưng do xem thường pháp luật nên đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội để có ma túy sử dụng. Hành vi tàng trữ trái phép 0,31 gam ma túy “*Methamphetamine*” của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 -Cao Bằng đã truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về nhân thân và các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, HĐXX thấy rằng:

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 (một) tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên phải chịu tình tiết tăng nặng “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đi ngược lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong cuộc đấu tranh đẩy lùi và bài trừ tệ nạn ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội nên cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy phải cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 Bộ luật Hình sự mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nguồn thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Các nhận định khác:

- Nguồn gốc số ma túy, bị cáo Đàm Văn T khai mua với một người đàn ông không biết tên tại bến xe C (cũ), phường N. Quá trình điều tra không xác

định được nhân thân, danh tính của người bán ma túy cho T và việc mua bán không ai biết nên không có căn cứ để mở rộng vụ án.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 11F3-6769, đăng ký xe mang tên Đoàn Ngọc Q, sinh năm 1957, trú tại Tổ dân phố H, phường T, tỉnh Cao Bằng. Chiếc xe này đã được ông Q giao cho Đàm Duy B, sinh năm 1956, là bố đẻ của T quản lý và sử dụng. Ông B không biết việc T sử dụng xe để đi mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C đã trả lại chiếc xe trên cho ông B là đúng quy định.

[6] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a, c Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Xét những vật chứng không còn giá trị sử dụng cần tuyên tịch thu, tiêu hủy bao gồm:

+ 01 (một) phong bì mặt trước ghi “Số 58/KL-KTHS hoàn mẫu sau giám định vụ Đàm Văn T, có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia và hình dấu đỏ của Phòng K- Công an tỉnh C. (kèm theo Kết luận giám định số 58/KL-KTHS ngày 30/01/2026 của Phòng K- Công an tỉnh C).

+ 01 (một) phong bì thư mặt trước ghi “Dụng cụ sử dụng ma túy của Đàm Văn T thu giữ ngày 23/01/2026”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong;

+ 01 (một) phong bì mặt trước ghi “gói ni lông ban đầu và vỏ niêm phong của Đàm Văn T ngày 23/01/2026”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia và hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C.

+ 01 đôi găng tay len, màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) điện thoại di động, mặt lưng có dòng chữ ZTE, màu xanh, màn hình cảm ứng, vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

[7] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2- Cao Bằng tại phiên tòa là đúng quy định pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo Đàm Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đàm Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đàm Văn T 04 năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/01/2026.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c Khoản 2, điểm a Khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng sau:

+ 01 (một) phong bì mặt trước ghi “Số 58/KL-KTHS hoàn mẫu sau giám định vụ Đàm Văn T, có hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia và hình dấu đỏ của Phòng K- Công an tỉnh C. (kèm theo Kết luận giám định số 58/KL-KTHS ngày 30/01/2026 của Phòng K- Công an tỉnh C).

+ 01 (một) phong bì thư mặt trước ghi “Dụng cụ sử dụng ma túy của Đàm Văn T thu giữ ngày 23/01/2026”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong;

+ 01 (một) phong bì mặt trước ghi “gói ni lông ban đầu và vỏ niêm phong của Đàm Văn T ngày 23/01/2026”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia và hình dấu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh C.

+ 01 đôi găng tay len, màu xanh.

- Trả lại cho bị cáo Đàm Văn T: 01 (một) điện thoại di động, mặt lưng có dòng chữ ZTE, màu xanh, màn hình cảm ứng, số IMEI1: 863129073304167/01, số IMEI2: 86312907330417/01, gắn sim số 0852.676.064, máy cũ đã qua sử dụng.

Xác nhận số vật chứng trên đã chuyển sang Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 2 tại biên bản giao, nhận vật chứng số 41 ngày 13/4/2026.

4. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đàm Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mông Văn Thành Nông Thị Ngọc Ánh

Phan Vũ Hoàng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CB;
- VKSND tỉnh CB;
- Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh CB;
- CA tỉnh Cao Bằng (Phòng hồ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

sơ);

- VKSND khu vực 2;
- Tổ điều tra số 2;
- Phân trại tạm giam Quảng Hòa thuộc Trại tạm giam CA tỉnh CB;
- Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Tà Lùng;
- Hải quan cửa khẩu quốc tế Tà Lùng;
- Phòng THADS khu vực 2;
- Bị cáo;
- Lưu: Ấn văn, THA hình sự và HS.

Phan Vũ Hoàng